

Số: 11/2025/QĐST-DS

Điện Biên, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST-DSST ngày 25 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần phát triển V**, Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà CT3 Gelexia Riverside, số 885 Tam Trinh, phường H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo uỷ quyền của VETRA: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A**, Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 toà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh H, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Giám đốc khối xử lý nợ Ngân hàng TMCP A. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Mạnh Q: Ông Lê Việt P, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP A, Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Phó phòng KHCN - Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Điện Biên và ông Mai Xuân T, chức vụ: Chuyên viên KHCN Ngân hàng TMCP A chi nhánh Điện Biên, địa chỉ: Số 675, đường Võ Nguyên G, phường Tân Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.(nay là phường Đ).

Bị đơn: Ông **Đinh Xuân M**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số nhà 54, Tò 7, phường Mường Thanh, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Đinh Xuân M phải thanh toán cho Công ty cổ phần phát triển V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày **29/4/2026 như sau:**

+ Tổng nợ gốc: 699.979.916 đồng

+ Tổng nợ lãi: 343.982.777 đồng (trong đó số tiền lãi trong hạn là 280.419.491 đồng; số tiền lãi phạt quá hạn là: 63.563.286 đồng).

Tổng nợ: 1.043.962.693 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng).

2.2. Kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi tất toán khoản vay, ông Đinh Xuân M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần phát triển V số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số 128/21/TD/XXXII và Giấy nhận nợ số 128/21/TD/XXXII.01 ngày 06/7/2021.

2.3. Trong trường hợp ông Đinh Xuân M không trả được nợ, Công ty cổ phần phát triển V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ: Tổ 3, phường Đ (trước đây phường M, thành phố Đ), tỉnh Đ; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 670968; Sổ vào sổ cấp GCN: CH50819 do UBND thành phố Đ, tỉnh Đ cấp ngày 04/6/2021 cho ông Đinh Xuân M.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của ông Đinh Xuân M.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đinh Xuân M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty cổ phần phát triển V.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 158/BLTTDS; Điều 16 Pháp lệnh chi phí tố tụng ông Đinh Xuân M phải chịu 5.827.000 đồng (năm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ngân hàng đã nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Đinh Xuân M có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng 5.827.000 đồng (năm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đinh Xuân M không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì ông Đinh Xuân M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời

gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147/BLTTDS; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì mỗi bên đương sự phải chịu 10.830.000 đồng (mười triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch.

Nhưng ông Đinh Xuân M tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 21.660.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); ông M chưa nộp án phí DSST có giá ngạch.

Ngân hàng ABBANK được trả lại số tiền tạm ứng án phí DSST là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Điện Biên) theo biên lai thu tiền số 0001194 ngày 25/4/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND khu vực 1 - Đ;
- THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên